



NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên)
ĐỖ NGỌC THỐNG (Chủ biên) – PHẠM THỊ THU HIỀN
NGUYỄN PHƯỚC HOÀNG – NGUYỄN VĂN LỘC

Ngữ văn

7

TẬP HAI

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên)
ĐỖ NGỌC THỐNG (Chủ biên) – PHẠM THỊ THU HIỀN
NGUYỄN PHƯỚC HOÀNG – NGUYỄN VĂN LỘC

Ngữ văn

7

TẬP HAI

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH



I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Yêu cầu của bài học về truyện ngụ ngôn và tục ngữ hướng tới việc phát triển hai năng lực đặc thù của môn Ngữ văn, bao gồm năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học, đồng thời, góp phần phát triển các phẩm chất và năng lực chung theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) tổng thể và Chương trình GDPT môn Ngữ văn năm 2018.

1. Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học

- Năng lực đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại truyện ngụ ngôn, tục ngữ.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, văn, nhịp, hình ảnh,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, bài học,...) của truyện ngụ ngôn và tục ngữ.

Hai yêu cầu này gắn liền với các bài đọc hiểu. Giáo viên (GV) cần giúp cho học sinh (HS) hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về đặc trưng hình thức, nội dung của thể loại truyện ngụ ngôn và tục ngữ. Đồng thời, GV giúp cho HS biết được cách đọc các kiểu văn bản này.

- Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của các biện pháp tu từ nói quá, nói giảm – nói tránh; vận dụng được những biện pháp này vào đọc hiểu, viết, nói và nghe có hiệu quả.

Đây là yêu cầu dạy học tiếng Việt.

- Viết được bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn.

Yêu cầu này nhằm rèn luyện kĩ năng viết cho HS. Với dạng đề yêu cầu phân tích đặc điểm nhân vật thì nhiệm vụ của HS là làm sáng tỏ những đặc điểm của nhân vật đó (lai lịch, hình dáng, cử chỉ, hoạt động, lời nói, ý nghĩ,...), đồng thời, nhận ra được nội dung tư tưởng, bài học mà tác giả gửi gắm vào tác phẩm.

- Biết kể lại một truyện ngụ ngôn và vận dụng tục ngữ trong đời sống.

Đây là yêu cầu hướng đến mục đích: viết, nói và nghe.

2. Góp phần phát triển phẩm chất và năng lực chung

Về phẩm chất, yêu cầu và nội dung bài học được xác định: có quan niệm sống đúng đắn và ứng xử nhân văn; khiêm tốn và ham học hỏi; tự tin, dám chịu trách nhiệm. Đây là những biểu hiện cụ thể để phát triển phẩm chất cho HS Trung học cơ sở theo yêu cầu của Chương trình GDPT tổng thể 2018.

Về năng lực chung, bài học nhằm phát triển năng lực tự chủ và tự học cho HS, được thể hiện ở khía cạnh biết tự làm chủ bản thân để có hành vi phù hợp, biết kiểm soát cảm xúc, thái độ trong giao tiếp, tự nhận thức ý nghĩa giáo dục của các bài học. Với việc đạt yêu cầu trên, bài học sẽ góp phần phát triển các phẩm chất và năng lực chung cho HS theo quy định của Chương trình GDPT tổng thể 2018.

Nói chung, đối với phần *Yêu cầu cần đạt*, GV lưu ý:

- Hướng dẫn HS tìm hiểu bài học ở nhà trước khi lên lớp.
- Lên lớp, GV có thể yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu cần đạt về phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học trước khi vào bài học. Tương tự đối với phần *Thực hành tiếng Việt, Viết, Nói và nghe*.
- GV cần nhắc HS đối chiếu kết quả học tập với các yêu cầu cần đạt sau mỗi phần học và sau khi học xong cả bài.

Tùy vào điều kiện học tập, trình độ nhận thức, đặc điểm tâm sinh lí cụ thể của HS,... ở từng địa phương, trường, lớp và dựa vào nội dung của bài học, GV có thể phát triển các yêu cầu khác, miễn là hợp lí và hiệu quả.

II. KIẾN THỨC NGỮ VĂN

Phần *Kiến thức ngữ văn* cung cấp các tri thức về truyện ngụ ngôn, tục ngữ và thành ngữ để phục vụ cho phần *Đọc hiểu văn bản, Viết, Nói và nghe*. Còn các tri thức về nói quá, nói giảm – nói tránh nhằm phục vụ cho tiết học tiếng Việt và hỗ trợ những hoạt động rèn luyện các kĩ năng ngôn ngữ của bài học.

HS cần đọc kĩ phần này ở nhà. Tuy nhiên, để giúp cho HS hiểu và vận dụng được các tri thức trên, GV lưu ý hướng dẫn HS: Trước khi đến lớp, HS cần đọc kĩ, tóm tắt và nêu các câu hỏi về những kiến thức bản thân chưa hiểu.

Để thực hiện những công việc trên, GV có thể tạo ra các bài tập, các phiếu học tập để hướng dẫn HS học.

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẦN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (trọng tâm)

Văn bản 1

Ếch ngồi đáy giếng

1. Lưu ý

– *Ếch ngồi đáy giếng* là văn bản đã có trong sách *Ngữ văn 6* theo Chương trình GDPT môn *Ngữ văn 2006*. Sở dĩ, sách giáo khoa (SGK) *Ngữ văn 7* tiếp tục chọn truyện ngụ ngôn này nhằm kế thừa lại SGK *Ngữ văn* hiện hành, giúp GV không bỏ ngỡ với văn bản mới, đồng thời, tập trung làm rõ thể loại truyện ngụ ngôn, đáp ứng được yêu cầu của Chương trình GDPT môn *Ngữ văn 2018*. Do đó, ngoài việc hướng dẫn HS đọc hiểu nội dung, ý nghĩa và một số nét nghệ thuật đặc sắc của văn bản, GV cần chú ý rèn luyện cho HS kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện *Ếch ngồi đáy giếng* nói riêng, truyện ngụ ngôn nói chung, cũng như biết liên hệ bài học của truyện ngụ ngôn với những tình huống, hoàn cảnh thực tế phù hợp.

– Đối với văn bản này, GV chú ý hướng dẫn HS nắm chắc định nghĩa *truyện ngụ ngôn* trong phần *Kiến thức ngữ văn*.

– GV nêu gợi ý về việc vận dụng linh hoạt thời lượng giữa các phần, các thiết bị dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp,...

2. Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học

Tổ chức các hoạt động dạy đọc hiểu cho văn bản này dựa trên các điều kiện sau:

- GV đã nhắc và HS đã đọc văn bản *Ếch ngồi đáy giếng* ở nhà.
- HS đã đọc *Yêu cầu cần đạt* và *Kiến thức ngữ văn* về truyện ngụ ngôn.
- HS đã đọc và tìm hiểu các nội dung nêu ở mục *Chuẩn bị* trong SGK.

Hoạt động 1. Khởi động

Dựa vào mục *Chuẩn bị* đã nêu trong SGK, GV có thể bắt đầu bài học bằng nhiều cách khác nhau. Nhìn chung, nhiệm vụ của hoạt động khởi động hướng tới:

- Tạo không khí cho tiết học (kể chuyện, chiếu video clip, tranh, ảnh, bài hát,...).
- Huy động kiến thức nền của HS về đề tài sẽ học (nêu câu hỏi).
- Giới thiệu bài học (dẫn dắt, nêu vấn đề, giới thiệu).

Với bài này, GV có thể tham khảo những cách khởi động bài học sau:

– Cách 1: GV đặt vấn đề: “Hãy kể lại một truyện ngụ ngôn mà em biết. Truyện nêu lên bài học gì? Bài học ấy có liên quan như thế nào đến cuộc sống hiện nay và với bản thân em?”.

Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài: “Truyện ngụ ngôn không chỉ được mọi người yêu thích vì những nhân vật, bối cảnh của truyện mà còn vì bài học giáo huấn sâu sắc và thiết thực. Truyện *Ếch ngồi đáy giếng* mà các em được học trong SGK *Ngữ văn 7*, tập hai là một trong những truyện ngụ ngôn tiêu biểu cho những đặc điểm của thể loại truyện ngụ ngôn.”

– Cách 2: Trò chơi đoán hình. Có bốn hình ảnh là bốn con vật, mỗi con vật là một nhân vật trong một truyện ngụ ngôn. Đoán đúng một hình thì một phần của bức tranh sẽ được mở ra. Mở hết được 4 hình sẽ là bức tranh về con ếch.

Từ trò chơi của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: “Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu bức tranh về con ếch sau khi đọc hiểu truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng*.”

– Cách 3: GV cho HS xem clip hoạt hình (hoặc xem một số hình ảnh) về truyện *Ếch ngồi đáy giếng* và yêu cầu HS trình bày suy nghĩ về tên truyện hay nhận xét về nhân vật con ếch.

Từ ý kiến nhận xét của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: “Để hiểu rõ hơn về nhân vật con ếch, hôm nay, chúng ta sẽ đọc hiểu truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng*.”

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

GV tổ chức cho HS đọc văn bản (đọc thông); tìm hiểu những điểm cần lưu ý khi đọc văn bản truyện ngụ ngôn. Để triển khai hoạt động này, GV có thể tham khảo cách thức sau:

– Yêu cầu HS đọc hoặc kiểm tra việc đọc văn bản ở nhà; hướng dẫn cách đọc diễn cảm;...

– Dựa vào một số câu hỏi hướng dẫn cách đọc (bên phải văn bản), GV định hướng cho HS đọc. Ví dụ: *Chú ý bối cảnh của câu chuyện.*

– Trước khi đọc hiểu văn bản, HS cần lưu ý một số điểm mà SGK đã nêu lên trong mục *Chuẩn bị* (gọi một HS nêu hoặc đọc mục *Chuẩn bị*).

– GV mời một số HS chia sẻ những thông tin về truyện ngụ ngôn đã tìm hiểu được như đặc điểm thể loại, đề tài, nhân vật,... và một số tác giả truyện ngụ ngôn nổi tiếng.

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

GV tổ chức cho HS làm việc nhóm để tìm hiểu sâu truyện ngụ ngôn thông qua việc thảo luận, trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

Sau đây là cách thức tiến hành tổ chức đọc hiểu văn bản:

– GV gọi một HS hoặc một số HS đọc lại toàn văn bản. GV cũng có thể kiểm tra việc đọc ở nhà của HS bằng cách yêu cầu HS tóm tắt câu chuyện.

– GV tổ chức tìm hiểu sâu nội dung và nghệ thuật của văn bản truyện *Ếch ngồi đáy giếng* thông qua việc HS trả lời các câu hỏi đọc hiểu sau bài học. SGK đã nêu lên các câu hỏi cốt lõi nhằm giúp HS tìm hiểu, khám phá văn bản theo ba lớp: a) hiểu; b) phân tích, nhận xét và c) mở rộng, nâng cao. Các câu hỏi a) thường thể hiện yêu cầu hiểu về nội dung cụ thể cũng như ấn tượng khái quát về nội dung của văn bản. Các câu hỏi b) hướng vào việc tìm hiểu sâu hơn nội dung và hình thức văn bản. Các câu hỏi c) yêu cầu HS mở rộng, nâng cao bằng việc liên hệ, so sánh, kết nối các vấn đề của văn bản với cuộc sống và những trải nghiệm của HS. Vì thế, GV có thể dựa vào hệ thống câu hỏi cốt lõi của SGK để tổ chức các hoạt động tìm hiểu văn bản. Tùy điều kiện và ý tưởng dạy học, GV có thể sử dụng phối hợp các hình thức học tập: cá nhân, cặp đôi, nhóm, toàn lớp; kết hợp với các phương pháp dạy học như đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm,...; sử dụng phiếu học tập để HS làm trực tiếp trên phiếu;... Ví dụ: Với văn bản *Ếch ngồi đáy giếng*, GV có thể yêu cầu từng HS suy nghĩ và trả lời câu 1, 2; làm việc cặp đôi (hoặc theo bàn) để suy nghĩ, thảo luận cho câu 3, 4; thảo luận nhóm để trả lời cho câu 5. Riêng câu 6, cả lớp thực hiện theo yêu cầu của GV.

Dưới đây là gợi ý trả lời cho các câu hỏi trong SGK.

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Nhân vật chính trong truyện có tính cách như thế nào? Hãy nêu một số chi tiết trong truyện giúp em hiểu về tính cách của nhân vật ấy.	Nhân vật chính trong truyện là con ếch. Tính cách của nhân vật ếch: kiêu ngạo, huênh hoang, xem thường mọi vật và tự cho mình là một vị chúa tể. Tính cách ấy được bộc lộ qua các chi tiết trong truyện. Ví dụ: “Hằng ngày, nó cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng, khiến các con vật kia rất hoảng sợ. Ếch cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như một vị chúa tể. ... Quen thói cũ, ếch nghênh ngang đi lại khắp nơi và cất tiếng kêu ồm ộp. Nó nhâng nháo đưa cặp mắt nhìn lên bầu trời, chả thèm để ý đến xung quanh ...”
Câu 2. Bối cảnh câu chuyện trong văn bản <i>Ếch ngồi đáy giếng</i> đã giúp nhân vật bộc lộ tính cách và làm nổi bật ý nghĩa của truyện như thế nào?	– Bối cảnh câu chuyện xoay quanh cuộc sống và suy nghĩ của ếch khi sống ở đáy giếng và khi ra ngoài giếng. (1) Khi ở trong giếng + Hoàn cảnh sống chật hẹp, hạn hẹp: trong một cái giếng, xung quanh chỉ có vài con nhái, cua, ốc bé nhỏ, tiếng kêu của ếch khiến các con vật sợ hãi. + Ếch tưởng trời chỉ bằng cái vung, còn mình là một vị chúa tể. Có thể thấy, ếch thiếu hiểu biết, nhận thức hạn hẹp, nông cạn nhưng lại chủ quan, huênh hoang.

	(2) Khi ra khỏi giếng + Môi trường sống thay đổi sau một trận mưa to: rộng lớn, nhiều thứ mới lạ. + Thái độ của ếch: nhâng nháo, không thèm để ý đến xung quanh, nghênh ngang đi lại khắp nơi và cất tiếng kêu ồm ộp, bị một con trâu đi qua giẫm bẹp. Như vậy, vì chủ quan, kiêu ngạo nên ếch phải trả giá bằng cả tính mạng. – Bối cảnh câu chuyện đã giúp nhân vật bộc lộ tính cách kiêu ngạo, huênh hoang, xem thường mọi vật, có suy nghĩ thiên cận, cái nhìn phiến diện, không chịu mở mang hiểu biết của bản thân. Từ đó, làm nổi bật ý nghĩa của truyện nhằm phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp mà lại tự cao tự đại, huênh hoang, đồng thời, khuyên nhủ mọi người phải nỗ lực mở rộng tầm hiểu biết của bản thân, không được chủ quan, kiêu ngạo.
Câu 3. Nhan đề <i>Ếch ngồi đáy giếng</i> có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề của văn bản?	Nhan đề <i>Ếch ngồi đáy giếng</i> góp phần làm nổi bật chủ đề của văn bản: phê phán những kẻ thiếu hiểu biết, tầm nhìn hạn hẹp nhưng luôn tự cao tự đại, đồng thời, khuyên răn mọi người cần biết khiêm tốn, học hỏi để nâng cao nhận thức của bản thân.
Câu 4. Mỗi truyền ngữ ngôn có thể đem tới nhiều bài học, em hãy nêu lên những bài học có thể rút ra từ câu chuyện này. Theo em, đâu là bài học chính của câu chuyện?	– Đại diện cấp đôi (hoặc theo bàn) có thể nêu lên những bài học sau: + Không được chủ quan, kiêu ngạo, coi thường những đối tượng xung quanh. Sự thiếu hiểu biết kết hợp với thói kiêu ngạo, huênh hoang không chỉ gây rạn nứt những mối quan hệ tốt đẹp mà còn dễ dẫn đến thất bại cho bản thân, thậm chí có thể phải trả bằng cả tính mạng. + Nếu không biết tường tận, thấu đáo về một sự vật, hiện tượng hay một vấn đề nào đó thì không nên đưa ra những đánh giá chủ quan, hồ đồ. + Thế giới vốn rất rộng lớn, phong phú và có những bí ẩn mà dù cả đời người cũng chưa chắc tìm hiểu, khám phá được hết. Do đó, để mở mang vốn hiểu biết của bản thân, chúng ta cần khiêm tốn, học hỏi không ngừng. – Bài học chính của câu chuyện là khuyên mọi người không nên chủ quan, kiêu ngạo, coi thường người khác, cô chấp, suy nghĩ thiên cận, không chịu mở rộng, nâng cao hiểu biết của bản thân.

Câu 5. Trong cuộc sống, có nhiều câu chuyện tương tự truyện <i>Ếch ngồi đáy giếng</i>. Em hãy nêu lên một câu chuyện như thế.	Đại diện nhóm nêu lên một câu chuyện có trong cuộc sống tương tự truyện <i>Ếch ngồi đáy giếng</i>. Ví dụ: Có một bạn học chỉ mới là HS giỏi trong lớp nhưng cứ nghĩ rằng mình giỏi nhất cả khối lớp nên chủ quan, không tập trung vào việc học, đến cuối kì, kết quả lại thua xa các bạn cùng lớp.
Câu 6. Viết một đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) nêu lên bài học cho bản thân từ câu chuyện trên, trong đoạn văn có sử dụng thành ngữ <i>ếch ngồi đáy giếng</i>.	– GV hướng dẫn cả lớp thực hiện viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu, trong đó có sử dụng thành ngữ <i>ếch ngồi đáy giếng</i> nhằm nêu lên bài học cho bản thân mình từ câu chuyện trên. – GV hướng dẫn để HS viết trên lớp (nếu có thời gian) hoặc ở nhà. – HS thực hiện theo yêu cầu, hướng dẫn của GV.

Hoạt động 4. Tổng kết

– Mục tiêu của hoạt động tổng kết là giúp HS khái quát hoá những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của truyện ngụ ngôn; hiểu rõ hơn về cách đọc văn bản truyện ngụ ngôn.

– Cách thức: GV có thể sử dụng sơ đồ tư duy hay phiếu học tập với ba gợi ý để yêu cầu HS rút ra những đánh giá khái quát về nội dung, ý nghĩa; hình thức nghệ thuật của truyện ngụ ngôn và cách đọc văn bản truyện ngụ ngôn.

– Yêu cầu cần đạt:

+ Nội dung, ý nghĩa: Văn bản *Ếch ngồi đáy giếng* đem đến bài học về cách sống cho mỗi người: không nên chủ quan, kiêu ngạo, coi thường người khác, cố chấp, suy nghĩ thiên cận, không chịu mở mang nhận thức của bản thân.

+ Nghệ thuật: Xây dựng nhân vật hết sức gần gũi với đời sống; các sự kiện hài hước, độc đáo khiến câu chuyện trở nên hấp dẫn, lôi cuốn; cách giáo huấn tự nhiên, sâu sắc.

+ Cách đọc văn bản truyện ngụ ngôn: Việc đầu tiên là phải thấy được những sự kiện của truyện được kể; kể đến, cần phải chỉ ra được nhân vật nổi bật nhất, xuất hiện xuyên suốt câu chuyện sẽ là nhân vật chính. Tiếp theo, cần đi sâu tìm hiểu lai lịch, hoàn cảnh, hình dáng, cử chỉ, hoạt động, lời nói, ý nghĩ,... của các nhân vật được thể hiện trong truyện, nếu là loài vật thì xem chúng vừa giống loài vật ấy, vừa giống con người ở chỗ nào, từ đó, phát hiện bài học mà truyện muốn gửi gắm; cuối cùng, cần liên hệ bài học ấy với cuộc sống của bản thân em.

Đẽo cày giữa đường

1. Lưu ý

Đẽo cày giữa đường là truyện ngụ ngôn được SGK Ngữ văn 7 tuyển chọn nhằm làm rõ hơn về đặc điểm của thể loại truyện ngụ ngôn cũng như đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018. Khi dạy văn bản này, GV cần chú ý hơn việc hướng dẫn HS nhận diện, phân tích đặc điểm nhân vật, bối cảnh của truyện để vừa đọc hiểu nội dung, ý nghĩa của văn bản vừa thấy được các đặc điểm về thể loại truyện ngụ ngôn, công cụ quan trọng để hình thành, phát triển kĩ năng đọc hiểu truyện ngụ ngôn.

2. Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học

GV có thể hướng dẫn HS thực hiện phần chuẩn bị trước tiết học, bao gồm: i) Xem lại hướng dẫn nêu trong mục *Chuẩn bị* ở bài *Ếch ngồi đáy giếng* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này; ii) Tìm hiểu thêm từ các nguồn tư liệu (sách, báo, Internet,...) về truyện ngụ ngôn; iii) Đọc văn bản, thực hiện các chỉ dẫn trong khi đọc (ô bên phải tương ứng với các phần).

GV tham khảo các hoạt động gợi ý sau để hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản.

Hoạt động 1. Khởi động

Dựa vào mục *Chuẩn bị* đã nêu trong SGK, GV có thể bắt đầu bài học bằng nhiều cách khác nhau. Với bài này, có thể khởi động bài học bằng cách:

– Cách 1: GV nêu vấn đề: “Trước một sự việc, hiện tượng có nhiều ý kiến khác nhau, em sẽ suy nghĩ và hành động như thế nào?”.

GV tổ chức cho HS trao đổi và thảo luận vấn đề: “Theo em, khi làm việc, có nên nghe người khác góp ý không? Vì sao?”.

Từ các ý kiến của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: “Chúng ta sẽ tìm được câu trả lời ấy sau khi đọc hiểu truyện ngụ ngôn *Đẽo cày giữa đường*.”.

– Cách 2: GV cho HS xem clip hoạt hình (hoặc xem một số hình ảnh) về truyện ngụ ngôn *Đẽo cày giữa đường*. Sau khi xem xong, GV yêu cầu HS nhận xét về nhân vật người thợ mộc.

Từ các ý kiến của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: “Để hiểu rõ hơn về nhân vật người thợ mộc, hôm nay, chúng ta sẽ đọc hiểu truyện ngụ ngôn *Đẽo cày giữa đường*.”.

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

GV tổ chức cho HS đọc văn bản (đọc thông); tìm hiểu những điểm cần lưu ý khi đọc văn bản truyện ngụ ngôn. Để triển khai hoạt động này, GV có thể tham khảo cách thức sau:

- Yêu cầu HS đọc hoặc kiểm tra việc đọc văn bản ở nhà; nêu những từ ngữ, hình ảnh,... khó, cần chú ý và giải thích; hướng dẫn cách đọc diễn cảm;...
- Dựa vào một số câu hỏi hướng dẫn cách đọc (bên phải văn bản), GV định hướng cho HS đọc. Ví dụ: *Chú ý hoàn cảnh của người thợ mộc.*
- Trước khi đọc hiểu văn bản, HS cần lưu ý một số điểm mà SGK đã nêu lên trong mục *Chuẩn bị* (gọi một HS nêu hoặc đọc mục *Chuẩn bị*).

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

Tham khảo cách tiến hành như bài *Ếch ngồi đáy giếng*. Dưới đây là hệ thống câu hỏi trong SGK và các nội dung cần lưu ý. Tùy điều kiện và ý tưởng dạy học, GV có thể sử dụng phối hợp các hình thức học tập: cá nhân, cặp đôi, nhóm, toàn lớp; kết hợp với các phương pháp dạy học như đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm,...; sử dụng phiếu học tập để HS làm trực tiếp trên phiếu;... Ví dụ: Với văn bản *Đẽo cày giữa đường*, GV có thể yêu cầu từng HS suy nghĩ và trả lời câu 1, 2; làm việc cặp đôi (hoặc theo bàn) để suy nghĩ, thảo luận cho câu 3, 4. Riêng câu 5, cả lớp thực hiện theo yêu cầu của GV.

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Em hãy nêu bối cảnh của truyện <i>Đẽo cày giữa đường</i> .	Bối cảnh của truyện kể về người thợ mộc dốt hết vốn ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày. Do cửa hàng anh ta ở ngay bên vệ đường nên có nhiều người thường ghé vào xem anh ta đẽo cày và góp ý.
Câu 2. Người thợ mộc hành động như thế nào sau mỗi lần được góp ý?	Khi được mọi người góp ý, người thợ mộc đều làm theo một cách mù quáng mà không có chính kiến để cân nhắc, xem xét những góp ý ấy có đúng hay phù hợp với công việc của mình như thế nào. Điều đó sẽ không mang lại kết quả tốt đẹp.
Câu 3. Vì sao người thợ mộc lại phải chịu hậu quả: “Vốn liếng đi đời nhà ma.”?	Người thợ mộc không sai khi biết lắng nghe ý kiến góp ý của mọi người. Nhưng do người thợ mộc không có lập trường, suy nghĩ không chín chắn, không biết kết hợp giữa ý kiến góp ý của mọi người với suy nghĩ của chính mình để cân nhắc, lựa chọn nên phải chịu hậu quả: “Vốn liếng đi đời nhà ma.”.

Câu 4. Theo em, có thể rút ra những bài học nào từ câu chuyện này? Ý nghĩa chính của thành ngữ <i>đéo cày giữa đường</i> là gì?	- Câu chuyện muốn khuyên nhủ mọi người biết giữ lập trường, quan điểm vững vàng, kiên định và bền chí để đạt được mục tiêu của mình. Khi đứng trước một quyết định của bản thân, chúng ta không nên dao động trước ý kiến của người khác và phải biết lắng nghe một cách chọn lọc, có cân nhắc, suy nghĩ đúng đắn. - Ý nghĩa chính của thành ngữ <i>đéo cày giữa đường</i>: hàm ý chê những kẻ không có lập trường, chính kiến của bản thân, luôn thay đổi theo ý kiến người khác, cuối cùng chẳng đạt được kết quả gì.
Câu 5. Liên hệ với một sự việc trong cuộc sống có tình huống tương tự truyện <i>Đéo cày giữa đường</i> và kể lại ngắn gọn sự việc đó.	- GV hướng dẫn HS tự liên hệ một sự việc trong cuộc sống có tình huống tương tự truyện <i>Đéo cày giữa đường</i>. Ví dụ: Có những kiểu người “ba phải”, nghe ai nói đúng hay sai gì cũng gật đầu mà không có chính kiến của bản thân nên bị người đời chê trách. - GV yêu cầu HS kể lại ngắn gọn sự việc đó. - HS tự thực hiện.

Hoạt động 4. Tổng kết

GV yêu cầu HS nêu khái quát giá trị nổi bật đáng ghi nhớ của văn bản truyện ngụ ngôn theo nhận thức của HS. GV có thể nêu ý kiến của mình nhằm khái quát và tổng hợp đầy đủ hơn, sâu sắc hơn.

- Về nghệ thuật: cách xây dựng nhân vật, tạo bối cảnh độc đáo.
- Về bài học: ngẫm phê phán những kẻ không có lập trường, chính kiến của bản thân, luôn thay đổi theo ý kiến người khác, cuối cùng chẳng đạt được kết quả gì.
- Liên hệ bản thân từ bài học của truyện.

GV nêu những lưu ý về cách đọc văn bản theo thể loại hoặc kiểu văn bản mà HS cần chú ý. GV yêu cầu HS đối chiếu với các yêu cầu nêu ở mục *Chuẩn bị*.

Hướng dẫn đọc mở rộng và chuẩn bị bài tiếp theo: Đọc trước văn bản *Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội (1)* và tìm hiểu theo mục *Chuẩn bị* trong bài đọc ấy.

Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội (1)

1. Lưu ý

Đây là những câu tục ngữ đã được SGK *Ngữ văn 7* tiếp tục kế thừa từ sách *Ngữ văn 7* theo Chương trình GDPT môn *Ngữ văn 2006*. Mục đích của việc kế thừa là giúp cho GV không có cảm giác xa lạ đối với thể loại này. Nội dung tục ngữ chủ yếu xoay quanh hai lĩnh vực: *thiên nhiên, lao động và con người, xã hội*; đáp ứng theo yêu cầu của Chương trình GDPT môn *Ngữ văn 2018*. GV cần nắm được đặc điểm này để có sự linh hoạt trong tổ chức dạy học.

2. Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học

Việc tổ chức dạy học đọc hiểu trên lớp thể loại tục ngữ dựa trên các điều kiện cơ bản sau:

- HS đã đọc các phần *Yêu cầu cần đạt, Kiến thức ngữ văn*: Tục ngữ là những câu nói dân gian ngắn gọn, hàm súc, thường có vần điệu, có hình ảnh, nhằm đúc kết kinh nghiệm về thế giới tự nhiên và đời sống con người.

- HS đã đọc và thực hiện các nhiệm vụ nêu ở mục *Chuẩn bị* trong SGK.

- HS đã đọc văn bản *Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội (1)* ở nhà. Khi đọc, giọng điệu chậm rãi, rõ ràng; chú ý các vần lưng, ngắt nhịp ở vế đối trong câu hoặc phép đối giữa hai câu.

Để đảm bảo các điều kiện cơ bản này, GV cần có phương án giao nhiệm vụ cụ thể cho HS và hỗ trợ để HS tự lực thực hiện nhiệm vụ bằng các cách thức khác nhau; ví dụ: bằng sản phẩm HS cần báo cáo trước cho GV, đọc thuộc lòng những câu tục ngữ,...

Hoạt động 1. Khởi động

- Cách 1: GV tổ chức trò chơi đuổi hình bắt chữ, đưa lên màn hình chiếu các hình ảnh và HS sẽ đoán các câu tục ngữ tương ứng.

Trên cơ sở đó, GV giới thiệu bài học *Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội (1)*.

- Cách 2: GV tổ chức cho các nhóm thi với nhau bằng cách đọc những câu tục ngữ mà mình biết. Nhóm nào đọc nhiều nhất thì nhóm ấy thắng.

Từ đó, GV giới thiệu bài học: “Việc sử dụng tục ngữ giúp cho lời ăn tiếng nói thêm sâu sắc, sinh động, có tính biểu cảm cao. Để hiểu rõ hơn về tục ngữ, hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu văn bản *Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội* (1).”.

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

GV tổ chức cho HS đọc tục ngữ, tìm hiểu những điểm cần lưu ý khi đọc văn bản tục ngữ. Để triển khai hoạt động này, GV có thể tham khảo cách thức sau:

– Yêu cầu HS đọc hoặc kiểm tra việc đọc văn bản ở nhà; nêu những từ ngữ, hình ảnh,... cần chú ý và giải thích; hướng dẫn cách đọc diễn cảm;...

– Dựa vào một số câu hỏi hướng dẫn cách đọc (bên phải văn bản) để kiểm tra việc đọc của HS. Ví dụ: *Chú ý hình thức các câu tục ngữ.*

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

Tùy điều kiện và ý tưởng dạy học, GV có thể sử dụng phối hợp các hình thức học tập: cá nhân, cặp đôi, nhóm, toàn lớp; kết hợp với các phương pháp dạy học như đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm, trò chơi,... Ví dụ, câu 1, 2, 3, 4: GV tổ chức cho các nhóm HS thảo luận trong nhóm và đại diện nhóm chia sẻ trước cả lớp. Câu 5, 6: GV tổ chức cho cá nhân HS trình bày. Cụ thể:

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Nhận xét về số lượng tiếng, vần, nhịp,... của các câu tục ngữ trong văn bản.	– Về số lượng tiếng: Mỗi câu tục ngữ có số lượng tiếng không nhiều. Có câu chỉ có 6 đến 8 tiếng, có những câu chỉ có 4 tiếng; thể hiện sự đúc kết cô đọng, hàm súc, dễ nhớ. – Vần, nhịp trong các câu tục ngữ có tác dụng như một chất keo gắn chặt các thành phần trong câu thành một khối vững chắc, tạo nên tính ổn định về hình thức, phù hợp với tính ổn định về nội dung của tục ngữ. Cụ thể: + Câu 1: 8 tiếng, vần lưng “năng, vắng”, nhịp 4/4. + Câu 2: 10 tiếng, vần lưng “Ba, hoa”, “Tư, hư”, nhịp 5/5. + Câu 3: 8 tiếng, vần cách “phân, cần”, nhịp 2/2/2/2. + Câu 4: 4 tiếng, vần cách “tắc, tắc”, nhịp 2/2. + Câu 5: 10 tiếng, vần cách “năm, tằm”, nhịp 5/5. + Câu 6: 8 tiếng, vần cách “tóc, góc”, nhịp 2/2/4. + Câu 7: 7 tiếng, vần cách “người, mười”, nhịp 3/4. + Câu 8: 6 tiếng, vần cách “thương, thương”, nhịp 2/2/2.

	+ Câu 9: 14 tiếng, vần cách “non, hòn”, nhịp 6/8. + Câu 10: 8 tiếng, vần cách “nói, gói”, nhịp 2/2/2/2.
Câu 2. Nhận biết và chỉ ra tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong các câu tục ngữ trên.	– Câu 1: Phép đối, giúp dễ nhớ đối với kinh nghiệm quan sát về nắng, mưa thông qua hiện tượng thiên nhiên. – Câu 2: Phép đối, nhấn mạnh cơn mưa của tháng Ba và tháng Tư có ảnh hưởng lớn tới nông vụ. – Câu 3: Liệt kê, nhằm nhấn mạnh bốn yếu tố quan trọng theo trình tự trong việc trồng lúa nước để có mùa vụ bội thu, đạt năng suất cao. – Câu 4: So sánh, nhằm đề cao giá trị của đất (quý như vàng), khuyên nhủ mọi người phải biết quý trọng đất. – Câu 5: Phép đối, có tác dụng làm rõ sự vất vả của nghề nuôi tằm, đối nghịch lại với sự nhàn hạ của việc nuôi lợn. – Câu 6: So sánh, nhấn mạnh việc giữ gìn hình thức bên ngoài sẽ góp phần thể hiện một phần tính cách con người. – Câu 7: So sánh và nói quá, nhấn mạnh tầm quan trọng của tính mạng con người, đồng thời, khuyên nhủ mọi người hãy biết quý trọng mạng sống. – Câu 8: So sánh, có tác dụng khuyên răn mọi người phải có lòng thương người, yêu thương đồng loại như yêu thương chính bản thân mình. – Câu 9: Ẩn dụ, dùng hình ảnh thiên nhiên để khuyên răn con người về bài học đoàn kết một cách sâu sắc và sinh động. – Câu 10: Liệt kê, điệp từ, nhằm khuyên bảo mọi người phải biết học cách ăn uống cho thanh lịch, học cách nói năng cho nhã nhặn và học cách ứng xử cho khôn khéo, đúng mực.
Câu 3. Các câu tục ngữ về thiên nhiên, lao động đã phản ánh những kinh nghiệm gì? Những kinh nghiệm ấy có vai trò như thế nào đối với người lao động?	– Giải thích ý nghĩa cụ thể của các câu tục ngữ về thiên nhiên, lao động: + Câu 1: Kinh nghiệm nhìn sao để dự đoán thời tiết nắng, mưa. + Câu 2: Kinh nghiệm trồng trọt được ông cha ta đúc kết qua câu tục ngữ: Thường thì đến tháng Ba âm lịch, hoa màu rất cần nước nên cơn mưa lúc này rất có ích; nhưng đến tháng Tư, cây trồng đang trong quá trình phát triển, ít cần

	nước nên những cơn mưa lớn tháng Tư sẽ làm hư đất, hư cây trồng. + Câu 3: Kinh nghiệm trồng lúa nước được người xưa đúc kết, gồm bốn yếu tố cần thiết và quan trọng để đạt được năng suất cao. + Câu 4: Khẳng định một chân lí: Đất quý như vàng, đất đai trồng trọt có giá trị đặc biệt. Câu tục ngữ còn mang một hàm nghĩa: khuyên mọi người phải biết quý trọng, có ý thức bảo vệ, giữ gìn, không được phá hoại, lãng phí đất đai. + Câu 5: Thông qua sự vất vả của nghề nuôi tằm, đối nghịch lại với sự nhàn hạ của việc nuôi lợn nhằm phản ánh cho mọi người thấu hiểu nỗi vất vả của người nông dân và trân trọng những sản phẩm nông nghiệp do chính công sức lao động của họ tạo nên. – Những kinh nghiệm ấy có vai trò rất quan trọng đối với người lao động trong việc xác định, dự đoán được thời tiết, thời vụ thích hợp để nuôi trồng, cũng như bảo vệ, quý trọng đất đai.
Câu 4. Các câu tục ngữ về con người, xã hội muốn nhắn gửi mọi người điều gì?	Các câu tục ngữ về con người, xã hội đề cao giá trị con người và khuyên răn mọi người phải biết yêu thương, giúp đỡ, đùm bọc lẫn nhau, đồng thời, khuyên nhủ chúng ta cần có tinh thần vượt khó, giữ vững ý chí, quyết tâm trong mọi công việc thì ắt sẽ thành công.
Câu 5. Trong những câu tục ngữ trên, em thích câu nào nhất? Vì sao?	– GV yêu cầu cá nhân HS tự do chọn lựa câu tục ngữ bản thân tâm đắc và trình bày lí do. – HS trả lời.
Câu 6. Theo em, các câu tục ngữ trên có còn hữu ích với cuộc sống ngày nay không? Hãy nêu một câu tục ngữ về thiên nhiên, lao động và một câu tục ngữ về con người, xã hội mà em thấy vẫn có ích với cuộc sống ngày nay.	– Những câu tục ngữ trên luôn hữu ích đối với cuộc sống ngày nay trong việc quan sát hiện tượng tự nhiên, lao động sản xuất cũng như bảo vệ, quý trọng đất đai và đề cao giá trị con người. – HS tự chọn một câu tục ngữ về thiên nhiên, lao động và một câu tục ngữ về con người, xã hội mà bản thân cảm thấy vẫn có ích với cuộc sống ngày nay.

Hoạt động 4. Tổng kết

Việc tổ chức tổng kết bài giảng có thể tiến hành theo nhiều cách khác nhau: trả lời câu hỏi trắc nghiệm hoặc dẫn dắt để HS tự rút ra các giá trị nổi bật về nội dung, tư tưởng của tục ngữ (thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về thiên nhiên, lao động và về con người, xã hội) và nghệ thuật (số lượng tiếng, vần, nhịp, biện pháp tu từ,... và tác dụng của các yếu tố đó).

GV hướng dẫn HS đọc mở rộng và chuẩn bị bài tiếp theo: Đọc trước phần *Thực hành tiếng Việt* trong bài học này, truyện *Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân* (Ê-dốp) và tìm hiểu theo mục *Chuẩn bị* trong bài đọc ấy.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Lưu ý

1.1. Yêu cầu chung

Nội dung thực hành tiếng Việt ở bài này là các biện pháp tu từ: *nói quá, nói giảm – nói tránh*. Đây là các biện pháp tu từ được dùng phổ biến trong văn chương và trong ngôn ngữ sinh hoạt hằng ngày. Việc sử dụng các biện pháp tu từ này sẽ giúp hoạt động giao tiếp đạt hiệu quả cao.

Theo hướng tích hợp và hướng thực hành, các bài tập trong sách đều được xây dựng trên cơ sở ngữ liệu về biện pháp tu từ nói quá, nói giảm – nói tránh rút ra từ các tác phẩm văn chương (hoặc từ ngôn ngữ sinh hoạt hằng ngày) và đều mang tính thực hành. Vì vậy, khi dạy các nội dung trên, GV cần hướng dẫn HS tập trung vào việc phân tích ngữ liệu trong các bài tập; qua đó, đạt được các kĩ năng cần thiết về nói quá, nói giảm – nói tránh.

1.2. Yêu cầu cụ thể

Qua hệ thống bài tập, GV cần giúp HS đạt được các kĩ năng sau:

– Xác định, giải thích nghĩa, nêu tác dụng của biện pháp tu từ nói quá, nói giảm – nói tránh.

– Sử dụng các biện pháp tu từ nói quá, nói giảm – nói tránh trong tạo lập văn bản.

SGK có 4 bài tập.

Bài tập 1 yêu cầu HS xác định biện pháp tu từ nói quá trong những câu đã cho, giải thích nghĩa của những cách nói quá đó và chỉ ra tác dụng của chúng. Bài tập này giúp HS rèn luyện kĩ năng nhận diện, phân tích biện pháp tu từ nói quá. Bài tập gồm ba câu; vì vậy, GV nên để HS thực hiện theo nhóm (mỗi nhóm giải quyết một câu).

Bài tập 2 yêu cầu HS tìm cách nói quá (ở các thành ngữ) tương ứng với cách nói thông thường. Bài tập này giúp HS rèn luyện kỹ năng nhận diện biện pháp tu từ nói quá, xác định nghĩa của mỗi cách nói quá. Bài tập không khó, HS có thể thực hiện độc lập.

Bài tập 3 yêu cầu HS xác định biện pháp tu từ nói giảm – nói tránh trong những câu đã cho, xác định nghĩa và chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ nói giảm – nói tránh trong mỗi trường hợp. Bài tập này giúp HS rèn luyện kỹ năng nhận diện, phân tích biện pháp tu từ nói giảm – nói tránh. Bài tập gồm ba câu. Hình thức phù hợp để HS thực hiện bài tập này là làm việc theo nhóm.

Bài tập 4 yêu cầu HS viết một đoạn văn với chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nói quá hoặc nói giảm – nói tránh. Bài tập này giúp HS rèn luyện kỹ năng sử dụng biện pháp tu từ nói quá hoặc nói giảm – nói tránh trong tạo lập văn bản. HS cần làm việc độc lập để thực hiện bài tập này.

2. Gợi ý tổ chức dạy thực hành tiếng Việt

Hoạt động 1. Xác định khái niệm nói quá, nói giảm – nói tránh

Trước hết, GV yêu cầu HS nêu lại và phân tích các ví dụ về nói quá, nói giảm – nói tránh; qua đó, chỉ ra nội dung và mục đích của các biện pháp tu từ này. Sau đó, GV gợi ý để HS nhắc lại các khái niệm nói quá, nói giảm – nói tránh nêu trong phần *Kiến thức ngữ văn*.

Hoạt động 2. Xác định, phân tích biện pháp tu từ nói quá

Hoạt động này được thực hiện qua các bài tập 1, 2.

Bài tập 1. GV hướng dẫn HS lần lượt thực hiện các yêu cầu: xác định biện pháp tu từ nói quá trong những câu đã cho, chỉ ra ý nghĩa của mỗi cách nói quá và nêu tác dụng của mỗi cách nói đó.

– Ở câu tục ngữ: *Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng*, / *Ngày tháng Mười chưa cười đã tối*, cách nói quá (thể hiện qua các cụm từ in đậm) biểu thị ý (được nhấn mạnh, phóng đại): Đêm tháng Năm và ngày tháng Mười (âm lịch) ngắn đến nỗi chưa kịp làm gì thì đã hết. Tác dụng của biện pháp tu từ nói quá được dùng ở câu tục ngữ này là tạo được ấn tượng sâu sắc về thời gian quá ngắn của đêm tháng Năm và ngày tháng Mười (âm lịch); qua đó, ngầm thể hiện ý: Con người cần biết và có cách ứng xử phù hợp với quy luật của thời gian.

– Ở câu tục ngữ: *Thuận vợ thuận chồng, tát Biển Đông cũng cạn*, cách nói quá (thể hiện qua cụm từ in đậm) biểu thị sức mạnh của sự đồng thuận, đoàn kết (giữa vợ chồng trong gia đình nói riêng, giữa mọi người trong một tập thể, cộng đồng nói

chung): Đồng thuận, đoàn kết sẽ tạo nên sức mạnh to lớn giúp thực hiện thành công bất kì việc gì, dù khó khăn, to lớn đến đâu. Biện pháp tu từ nói quá được dùng ở câu tục ngữ này đã tạo được ấn tượng sâu sắc khi nói về sức mạnh của sự đoàn kết; qua đó, ngầm khuyên nhủ mọi người: Hãy luôn coi trọng, giữ gìn, xây dựng tinh thần đoàn kết, sự đồng thuận trong gia đình, cộng đồng.

– Ở câu ca dao: *Cày đồng đang buổi ban trưa / Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày*, bằng biện pháp tu từ nói quá (thể hiện qua dòng in đậm), tác giả dân gian đã tạo nên hình ảnh cảm động, gây ấn tượng hết sức sâu sắc về công việc vô cùng cực nhọc, vất vả của người nông dân (phải đổ rất nhiều mồ hôi, công sức trên đồng ruộng trong điều kiện thời tiết nóng bức của buổi trưa mùa hè) để làm ra sản phẩm quý giá là lúa gạo; qua đó, nhắc nhở mỗi người cần biết quý trọng người lao động và những sản phẩm mà họ tạo ra.

Bài tập 2. GV hướng dẫn HS tìm cách nói quá (ở cột bên trái) tương ứng với cách nói thông thường (ở cột bên phải) theo mẫu. Đáp án: 1) – d), 2) – c), 3) – a), 4) – b).

Hoạt động 3. Xác định, phân tích biện pháp tu từ nói giảm – nói tránh

Bài tập 3. GV hướng dẫn HS xác định biện pháp tu từ nói giảm – nói tránh trong những câu đã cho, chỉ ra ý nghĩa của mỗi cách nói giảm – nói tránh và nêu tác dụng của chúng.

– Ở hai dòng thơ của Thu Bồn: *Có người thợ dựng thành đồng / Đã yên nghĩ tận sông Hồng, mẹ ơi!*, tác giả sử dụng từ *yên nghĩ* để nói về việc Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần. Biện pháp tu từ nói giảm – nói tránh được sử dụng ở đây nhằm tránh gây cảm giác quá đau buồn; đồng thời, thể hiện lòng kính yêu của tác giả đối với Bác Hồ và niềm tiếc thương sâu sắc trước sự ra đi của Người.

– Ở hai dòng thơ của Tố Hữu: Ông *mất* năm nao, ngày độc lập và Bà “*về*” năm đói, làng treo lưới, cái chết của các nhân vật được thể hiện bằng các từ *mất* và *về*. Biện pháp tu từ nói giảm – nói tránh được sử dụng ở đây nhằm tránh gây cảm giác quá đau buồn; đồng thời, thể hiện tình cảm yêu thương của tác giả đối với hai ông bà đã nuôi giấu mình trong những ngày hoạt động bí mật.

– Ở câu: *Năm ngoài, cụ Bộ Ngựa già yếu đã khuất núi.* (Tô Hoài), cụm từ *đã khuất núi* là một cách nói giảm – nói tránh để biểu thị cái chết của nhân vật. Cách nói giảm – nói tránh ở câu này thể hiện sự kính trọng của nhân vật Dế Mèn đối với nhân vật cụ Bộ Ngựa.

**Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống**



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 7 Cánh Diều

1. Ngữ văn 7 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 7 (Tập một, Tập hai)
3. Giáo dục công dân 7
4. Lịch sử và Địa lí 7
5. Khoa học tự nhiên 7
6. Công nghệ 7
7. Tin học 7
8. Giáo dục thể chất 7
9. Âm nhạc 7
10. Mĩ thuật 7
11. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7
12. Tiếng Anh 7 Explore English

TÌM ĐỌC

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 7 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC



SỬ DỤNG
TEM CHỒNG GIẤ

Quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập
website bộ sách Cánh Diều: www.hoc10.com

ISBN: 978-604-367-004-2



9 786043 670042